

KẾ HOẠCH

Tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các giải pháp cấp bách bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường thủy trong tình hình mới.

Thực hiện Kế hoạch số 207/KH-UBATGTQG ngày 26/5/2022 của Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia, UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch Tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các giải pháp cấp bách bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường thủy trong tình hình mới với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đánh giá toàn diện tình hình, kết quả triển khai công tác chỉ đạo, các giải pháp đã thực hiện, những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc, tồn tại, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm sau 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 06/9/2016 của UBND tỉnh về tăng cường các giải pháp cấp bách bảo đảm TTATGT đường thủy nội địa trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh.

2. Trên cơ sở tổng kết đánh giá, đưa ra những nội dung cần tiếp tục thực hiện, những nội dung cần điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn để kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp tăng cường bảo đảm trật tự ATGT và phòng ngừa tai nạn giao thông đường thủy nội địa.

II. NỘI DUNG

1. Căn cứ nhiệm vụ được phân công trong Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 06/9/2016 của UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiến hành tổng kết, đánh giá các mặt công tác, nhiệm vụ theo các nội dung sau:

- Công tác triển khai thực hiện: Nêu rõ các văn bản chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 06/9/2016 của UBND tỉnh.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự ATGT đường thủy nội địa: Nêu rõ các hình thức tuyên truyền; số lượng người dân được tiếp cận (*thống kê theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Kế hoạch*); đánh giá hiệu quả, mức độ tác động đến ý thức của người dân tham gia giao thông đường thủy nội địa.

- Công tác xây dựng văn hoá giao thông đường thủy nội địa: Các phong

trào xây dựng văn hoá giao thông và thi đua trong lực lượng thực thi công vụ trên đường thủy (*Cảnh sát giao thông, Thanh tra giao thông, cảng vụ, đăng kiểm...*), người tham gia giao thông đường thủy do Sở, ban, ngành, địa phương phát động hoặc hưởng ứng thực hiện, đặc biệt là cuộc vận động xây dựng phong trào “Văn hoá giao thông với bình yên sông nước” (loại hình, số lượng người tham gia).

- Công tác phối hợp bảo đảm trật tự ATGT đường thủy nội địa.

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 06/9/2016 của UBND tỉnh.

- Nhận xét đánh giá những ưu điểm và tồn tại trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 06/9/2016 của UBND tỉnh; những bất cập của quy định pháp luật về giao thông đường thủy nội địa; bài học kinh nghiệm rút ra.

- Phương hướng, nhiệm vụ thời gian tới. Đề xuất, kiến nghị với Chính phủ, Ủy ban ATGT Quốc gia, các Bộ, UBND tỉnh (*nếu có*).

2. Ngoài những nội dung báo cáo tại mục 1, đề nghị các cơ quan sau chú trọng làm rõ một số nội dung như sau:

- Sở Giao thông vận tải:

- + Công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

- + Công tác đăng ký phương tiện thủy nội địa, đào tạo, cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn cho thuyền viên, người lái phương tiện (*thống kê theo Phụ lục 04 ban hành kèm theo Kế hoạch*). Đặc biệt là công tác tổng điều tra phương tiện thủy nội địa và thuyền viên, người lái phương tiện; công tác giải quyết tình trạng ba không “không đăng ký, không đăng kiểm, không bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn” trên đường thủy nội địa.

- Công an tỉnh:

- + Tình hình TTATGT đường thủy nội địa: tình hình tai nạn (*thống kê theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Kế hoạch*), ùn tắc giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.

- + Các mô hình, phong trào xây dựng văn hoá giao thông nói chung, văn hoá giao thông đường thủy nói riêng đã phát huy hiệu quả trong thời gian qua; đề xuất hình thức phát động phong trào xây dựng văn hoá giao thông đường thủy trong thời gian tới.

- + Công tác phối hợp liên ngành giữa lực lượng Cảnh sát đường thủy - Đường thủy nội địa - Đăng kiểm.

- + Công tác bảo đảm trật tự ATGT, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa (*thống kê theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Kế hoạch*).

- Chi cục Đăng kiểm số 4: Công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa (*thống kê theo Phụ lục 04 ban hành kèm theo Kế hoạch*).

- Sở Du lịch: Công tác quản lý, kiểm tra trật tự ATGT đường thủy nội địa nhằm đảm bảo an ninh, an toàn cho khách du lịch.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

+ Tình hình trật tự ATGT đường thủy nội địa: tình hình tai nạn (*thống kê theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Kế hoạch*), ùn tắc giao thông đường thủy nội địa.

+ Công tác quy hoạch phát triển giao thông, quy hoạch cảng, bến thủy nội địa, quy hoạch nuôi trồng thủy sản trên đường thủy địa phương; công tác quản lý nhà nước với hoạt động thủy nội địa đặc biệt đối với quản lý việc họp chợ, làng chài, nuôi trồng thủy sản, đặng, đáy cá, công trình và các hoạt động khác trên hành lang bảo vệ luồng.

+ Công tác bảo đảm trật tự ATGT, xử lý vi phạm hành chính về trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa (*thống kê theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Kế hoạch*).

+ Kết quả công tác thanh thải các chướng ngại vật, đặng, đáy; giải toả các công trình ảnh hưởng đến hành lang bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa; kiểm tra, xử lý các bến thủy không phép, các điểm khai thác cát, sỏi không phép, sai phép.

(Số liệu báo cáo tổng kết Chỉ thị 23 tính từ ngày 15/7/2016 đến 14/12/2021).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ vào nội dung Kế hoạch này Thủ trưởng các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có Kế hoạch triển khai thực hiện. Báo cáo kết quả triển khai thực hiện về UBND tỉnh (*thông qua Ban An toàn giao thông tỉnh*) trước ngày 30/06/2022 để tổng hợp báo cáo Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia theo quy định.

2. Giao Ban An toàn giao thông tỉnh theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TV Ban ATGT tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP UBND tỉnh;
- TCT của CT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTTH-CB, K19.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục 01

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /6/2022 của UBND tỉnh)

[Tên đơn vị, địa phương]

PHÂN TÍCH TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

TT	Nội dung	Tổng số	2017	2018	2019	2020	2021
1	Số vụ						
2	Số người chết, mất tích						
3	Số người bị thương						
4	Phân loại:						
	Đặc biệt nghiêm trọng						
	Rất nghiêm trọng						
	Nghiêm trọng						
	Ít nghiêm trọng						
5	Nguyên nhân:						
	Không bằng cấp CCCM						
	Chở quá số người, quá vạch mớn nước						
	Vi phạm tín hiệu						
	Báo hiệu đường thủy						
	Vi phạm quy định về tốc độ						
	Quá nồng độ quy định						
	Tầm nhìn bị hạn chế						
	Không chấp hành quy tắc khi neo đậu						
	Do PT không đảm bảo an toàn kỹ thuật						
	Do hạ tầng bị hư hỏng						
	Do thời tiết, khí tượng, thủy văn						
	Nguyên nhân khác						
	Chưa rõ nguyên nhân						
6	Phân tích theo công suất PT:						
	PT thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 1 tấn hoặc có sức chở dưới 5 người hoặc bè						
	PT không có động cơ trọng tải toàn phần từ 1 tấn đến dưới 5 tấn hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người, PT có động cơ công suất máy chính dưới 5 mã lực hoặc có sức chở dưới 5 người						
	PT không có động cơ trọng tải toàn phần từ 5 tấn đến 15 tấn, PT có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 mã lực đến 15 mã lực hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người						

	PT không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, PT có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 mã lực, phương tiện có sức chở trên 12 người, trong đó:						
	- PT có tổng công suất dưới 150CV						
	- PT có tổng công suất từ 150-400CV						
	- PT có tổng công suất trên 400CV						
	PT khác						
7	Tai nạn đuối nước:						
	Số vụ						
	Số người chết, mất tích						
	Số người bị thương						

Phụ lục 02

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /6/2022 của UBND tỉnh)

[Tên đơn vị, địa phương]

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT VỀ TTATGT

TT	Hình thức	Đơn vị tính	Số lượng
1	Truyền hình	Chủ đề/thời lượng phát sóng	
2	Phát thanh	Chủ đề/thời lượng phát sóng	
3	Báo chí, tạp chí	Bài/số lượng phát hành	
4	Ấn phẩm (Pano, sách, tờ rơi)	Chủ đề/số lượng phát hành	
5	Hội thảo, hội thi, tuyên truyền trực tiếp	Buổi/số lượng người tham dự	
6	Ký cam kết	Lượt	

Phụ lục 03*(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /6/2022 của UBND tỉnh)*

[Tên đơn vị, địa phương]

KẾT QUẢ TUẦN TRA KIỂM SOÁT, XLVP

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số	2017	2018	2019	2020	2021
1	Số vi phạm HC	T/hợp						
2	Hình thức xử phạt:							
	Phạt tiền	T/hợp						
	Số tiền phạt	T/hợp						
	Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề	T/hợp						
	Đình chỉ hoạt động	T/hợp						
	Tịch thu tang vật, phương tiện VPHC							
3	Số vi phạm không thi hành đọợc	T/hợp						
4	Phân tích hành vi:							
	Chở quá mớn nước an toàn	T/hợp						
	Quy định về bảng, CCCM	T/hợp						
	Trang thiết bị cứu sinh, cứu đuối, PCCC	T/hợp						
	Vi phạm về đăng ký, đăng kiểm	T/hợp						
	Quy định về danh bạ, ĐBTV	T/hợp						
	Quy định về giấy CNATKT và BVMT	T/hợp						
	Không kê vạch mớn nước an toàn	T/hợp						
	Vi phạm quy định về bến thủy	T/hợp						
	Vi phạm quy định về xếp dỡ hàng hóa	T/hợp						
	Vi phạm quy định về tín hiệu phương tiện	T/hợp						
	Quy tắc giao thông	T/hợp						
	Phương tiện không đảm bảo an toàn	T/hợp						
	Các lỗi vi phạm khác	T/hợp						

Phụ lục 04

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /6/2022 của UBND tỉnh)

[Tên đơn vị, địa phương]

QUẢN LÝ THUYỀN VIÊN NGƯỜI LÁI, PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

I. SỐ LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN THỦY ĐANG LƯU HÀNH

TT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Số lượng	So sánh cùng kỳ (+/- chiếc,%)
1	Phương tiện chở người	Chiếc-người		
2	Tàu khách	Chiếc-người		
3	Tàu khách cao tốc	Chiếc-người		
4	Phương tiện chở hàng	Chiếc-tấn		
5	Các loại phương tiện khác	Chiếc		
	Tổng số:			

II. KIỂM TRA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

TT	Chỉ tiêu thống kê	Số lượt vào kiểm tra	Tỷ lệ đạt kiểm tra	Tỷ lệ đạt so với cùng kỳ (+/- lượt,%)
1	Tổng số lượt kiểm tra	Đóng mới		
		Lần đầu		
		Định kỳ		
		Hàng năm		
		Trên đà		
		Bất thường		
2	Số PT quá hạn	Định kỳ		
		Hàng năm		
		Trên đà		

III. THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

TT	Chỉ tiêu thống kê	Cấp mới	Tổng số hiện có	Tỷ lệ thi đạt lần đầu	Số GCNKNCM bị từ chối cấp lại do vi phạm TTATGT
1	Thuyền trỗng				
	Hạng nhất (T1)				
	Hạng nhì (T2)				
	Hạng ba (T3)				
	Hạng tư (T4)				
2	Máy trỗng				
	Hạng nhất (M1)				
	Hạng nhì (M2)				
	Hạng ba (M3)				
3	Chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản (ATCB)				
4	Chứng chỉ nghiệp vụ				
	Thủy thủ (TT)				
	Thợ máy (TM)				
	Lái phương tiện (LPT)				
5	Chứng chỉ chuyên môn				

TT	Chỉ tiêu thống kê	Cấp mới	Tổng số hiện có	Tỷ lệ thi đạt lần đầu	Số GCNKNCM bị từ chối cấp lại do vi phạm TTATGT
	Điều khiển phương tiện cao tốc (ĐKCT)				
	Điều khiển phương tiện đi ven biển (ĐKVB)				
	An toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển (ATVB)				
	An toàn làm việc trên phương tiện chở xăng dầu (ATXD)				
	An toàn làm việc trên phương tiện chở hóa chất (ATHC)				
	An toàn làm việc trên phương tiện chở khí hóa lỏng (ATKHL)				